

Số: /QĐ-SNN

Nam Định, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024; phê duyệt danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2700/QĐ-SNN ngày 05/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy;

Căn cứ Tờ trình số 14/TTr-TNXT-CT ngày 12/8/2024 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy về việc xin phê duyệt danh mục kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy đã được UBND huyện Xuân Trường và UBND huyện Giao Thủy xác nhận; Báo cáo số 51/BC-TNXT ngày 20/8/2024 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy về việc thực hiện tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi kế hoạch 2024 của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy.

Căn cứ Biên bản làm việc giữa đại diện Sở Nông nghiệp & PTNT (Chi cục Thủy lợi) và Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy ngày 20/8/2024 về việc kiểm tra kế hoạch danh mục sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy.

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024; Phê duyệt danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy như sau:

1. Điều chỉnh danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024 trong Quyết định số 2700/QĐ-SNN ngày 05/9/2023:

a) Không thực hiện công trình Sửa chữa cống cuối CN7-5 tại xã Giao Hà, huyện Giao Thủy với kinh phí: 30,0 triệu đồng. Lý do không thực hiện: Trùng với phạm vi dự án của xã Giao Hà, huyện Giao Thủy.

b) Chuyển 04 công trình *(trong đó 03 công trình đã thi công và 01 công trình đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, chưa thi công)* sang thanh toán và thực hiện trong kế hoạch năm 2025 với tổng kinh phí: 1.383,278 triệu đồng

2. Danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025

Tổng kinh phí sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025: 11.103,278 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Thanh toán cho 04 công trình đã thực hiện năm trước nhưng thiếu kinh phí *(Quyết định số 2700/QĐ-SNN ngày 05/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*: 1.383,278 triệu đồng.

2.2. Danh mục sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2025 với tổng kinh phí là 9.720 triệu đồng, trong đó:

- Công trình nạo vét cửa cống, kênh: 4.938,0 triệu đồng;
- Công trình xây đúc: 3.577,0 triệu đồng;
- Sửa chữa cánh cống: 805,0 triệu đồng.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: 400,0 triệu đồng.

(Chi tiết Phụ lục I chi tiết kèm theo)

3. Nguồn vốn: Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy.

4. Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 31/12/2025.

Điều 2. Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy có trách nhiệm:

- Công bố, công khai Quyết định này theo quy định và công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất ngày 01/01/2025.

- Cân đối nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa công trình theo thứ tự ưu tiên nhằm đảm bảo phục vụ sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai (trong đó ưu tiên sửa chữa các cống qua đê). Tổ chức thực hiện đảm bảo không vượt tổng kinh phí trong Quyết định này và không được để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản. Các công trình không thực hiện phải đề nghị điều chỉnh và được Sở Nông nghiệp

& PTNT nhất trí bằng văn bản trước ngày 31/12/2025. Sửa chữa các cống qua đê phải nghiệm thu hoàn thành xong trước 31/3/2025.

- Đảm bảo việc sửa chữa thường xuyên công trình theo đúng quy định của Thông tư số 05/2019/TTBNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và các quy định khác có liên quan. Việc sửa chữa cống qua đê (mọi cấp) có sửa chữa, thay thế kết cấu chịu lực chính (cửa van,...) giá trị dự toán dưới 500,0 triệu phải trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định về thiết kế bản vẽ của kết cấu đó làm cơ sở phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 28/02/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này để tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (Đề báo cáo)
- UBND huyện Xuân Trường,
Giao Thủy;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, QLXDCT, CCTL.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Doãn Lâm

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NĂM 2024;
DANH MỤC SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NĂM 2025
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KTCTTL XUÂN THỦY**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN của Sở Nông nghiệp và PTNT ngày tháng 8 năm 2024)

TT	Hạng mục	Địa điểm	Nội dung sửa chữa	Chiều dài (m)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
Tổng cộng (A+B)					11.103,278	
A	Điều chỉnh chuyển 04 công trình thuộc Danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2024 (thuộc Quyết định số 2700/QĐ-SNN ngày 05/9/2023) sang thanh toán và thực hiện trong kế hoạch năm 2025				1.383,278	
I	Các công trình đã thi công				703,418	
1	Sửa chữa công trình thông nước đầu VB 17-3 (Tổng kinh phí: 200.879.000 đồng đã bố trí 2024: 50.879.000 đồng)	Giao Long	Sửa chữa		150,00	Đã thi công
2	Sửa chữa công trình thông nước trên kênh Tàu 2-4 (Tổng kinh phí: 138.061.000 đồng, đã bố trí năm 2024: 38.061.000 đồng)	Xuân Ninh	Sửa chữa		100,00	Đã thi công
3	Sửa chữa mái kênh Chợ Đê 3-4 (Tổng kinh phí đã thực hiện: 453.418.000 đồng)	Xuân Thượng	Sửa chữa	650	453,418	Đã thi công

TT	Hạng mục	Địa điểm	Nội dung sửa chữa	Chiều dài (m)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
II	Công trình chưa thi công				679,860	
1	Nạo vét kênh Nguyễn Văn Bé (Đoạn từ cống số 9 đến dốc Tiền Lang)	Giao Hải	Nạo vét	500	679,860	Đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật
B	Danh mục kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2025				9.720,00	
I	Nạo vét			16.729	4.938,00	
1	Nạo vét cửa cống Triết Giang B	Bạch Long	Nạo vét	400	420,00	
2	Nạo vét cửa cống Ang Giao Phong	Giao Phong	Nạo vét	800	410,00	
3	Nạo vét cửa cống Tây Cồn Tàu	TTQuất Lâm	Nạo vét	600	380,00	
4	Nạo vét cửa cống số 8B	Bạch Long	Nạo vét	300	400,00	
5	Nạo vét kênh CA	Giao Thanh	Nạo vét	1.000	380,00	
6	Nạo vét kênh CA 9	Giao Thanh	Nạo vét	1.250	316,00	
7	Nạo vét kênh CA 15 (Đoạn giữa)	Giao Lạc	Nạo vét	890	123,00	
8	Nạo vét kênh CN 7-5	Giao Hà	Nạo vét	595	96,00	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Nội dung sửa chữa	Chiều dài (m)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
9	Nạo vét kết hợp đắp bờ kênh VB 17 (Đoạn đầu)	Giao Long	Nạo vét kết hợp đắp bờ vùng	300	50,00	
10	Nạo vét kênh Cồn Giữa (Đoạn từ cầu tình yêu đến cầu UB Giao Tân)	Giao Tân	Nạo vét	700	440,00	
11	Nạo vét kênh Cồn Giữa 5-2 (Đoạn đầu)	Giao Châu	Nạo vét	791	115,00	
12	Nạo vét kênh Văn Bé (Đoạn Giao Yến)	Giao Yến	Nạo vét	1.500	450,00	
13	Nạo vét sông Trục Đồng 2+3 (Đoạn đầu)	Bạch Long	Nạo vét	250	75,00	
14	Nạo vét sông chân đê Liên Phong (Đoạn giữa)	Giao Phong	Nạo vét	800	53,00	
15	Nạo vét kết hợp đắp bờ kênh Cát Xuyên (Đoạn cuối)	Xuân Trung	Nạo vét kết hợp đắp bờ	770	128,00	
16	Nạo vét kết hợp đắp bờ kênh Mã (Đoạn xóm 2 xã Xuân Trung)	Xuân Trung	Nạo vét kết hợp đắp bờ	558	79,00	
17	Nạo vét kênh Mã 6-3	TT Xuân Trường	Nạo vét	490	75,00	
18	Nạo vét kênh Kẹo (Đoạn cuối)	Xuân Ninh	Nạo vét	850	225,00	
19	Nạo vét kênh Tài 1	Xuân Tân	Nạo vét	2.180	450,00	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Nội dung sửa chữa	Chiều dài (m)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
20	Nạo vét kênh 50-8 (Đoạn đầu)	Xuân Thành	Nạo vét	655	80,00	
21	Nạo vét kênh Mã 5 (Đoạn đầu)	Xuân Phương, Xuân Bắc	Nạo vét	1.050	193,00	
II	Công trình xây đúc			1.725	3.577,00	
1	Sửa chữa mái kênh CA21 (Đoạn 3)	Giao Xuân	Sửa chữa mái kênh	640	480,00	
2	Sửa chữa công trình thông nước giữa CN 9-2	Giao Nhân	Sửa chữa		140,00	
3	Sửa chữa cống đầu CN 9-8	Giao Nhân	Sửa chữa		145,00	
4	Sửa chữa cống cuối CN 5-15	Bình Hòa	Sửa chữa		150,00	
5	Sửa chữa cống đầu CA 23-1	Giao Hải	Sửa chữa		110,00	
6	Sửa chữa cống đầu VB 17-4	Giao Long	Sửa chữa		150,00	
7	Xử lý sạt lở bờ hữu mái kênh CG3B (Đoạn giữa)	Giao Châu	Xử lý sạt lở	80	130,00	
8	Sửa chữa công trình thông nước trên kênh CG 2A	Hoành Sơn	Sửa chữa		165,00	
9	Sửa chữa cống giữa CN15B	Giao Yên	Sửa chữa		170,00	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Nội dung sửa chữa	Chiều dài (m)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
10	Xử lý sạt lở mặt cơ cửa cống Ang Giao Phong	Giao Phong	Sửa chữa		55,00	
11	Xử lý sạt lở mặt cơ cửa cống Thanh Niên	Bạch Long	Sửa chữa		87,00	
12	Sửa chữa công trình thông nước trên kênh TT 10	Xuân Vinh	Sửa chữa		185,00	
13	Sửa chữa công trình thông nước trên kênh Tàu 2-1	Xuân Hoà	Sửa chữa		120,00	
14	Sửa chữa cống đầu XN 2-1	Xuân Ninh	Sửa chữa		120,00	
15	Sửa chữa công trình thông nước TT 4-2	Xuân Tiến	Sửa chữa		130,00	
16	Sửa chữa mái kênh 50-10 (Đoạn 1)	Xuân Thành	Sửa chữa mái kênh	425	430,00	
17	Sửa chữa mái kênh Ngô Đồng 4 (Đoạn 2)	Xuân Phú	Sửa chữa mái kênh	580	320,00	
18	Sửa chữa nhà quản lý cống Liêu Đông	Xuân Tân	Sửa chữa		170,00	
19	Sửa chữa công trình thông nước trên sông Thanh Quan 8	Xuân Phú	Sửa chữa		320,00	
III	Công trình cánh cống				805,00	
1	C.Hoành Đông(cánh dưới)	Giao Thiện	Sửa chữa		40,00	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Nội dung sửa chữa	Chiều dài (m)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
2	Cổng Số 10(cánh trên)	Giao Thiện	Sửa chữa		45,00	
3	Cổng cuối CH2	Hồng Thuận	Sửa chữa		45,00	
4	Cổng đầu CA13	Giao Lạc	Sửa chữa		35,00	
5	Đập giữa CA1	Giao Hương	Sửa chữa		30,00	
6	Đập số 1 CN3	Bình Hòa	Sửa chữa		30,00	
7	Đập số 3 CN3	Bình Hòa	Sửa chữa		30,00	
8	Đầu CN5-7	Bình Hòa	Sửa chữa		35,00	
9	Đầu CN7	Giao Hà	Sửa chữa		30,00	
10	Cuối Thiết Khóa 1	Giao Thịnh	Sửa chữa		30,00	
11	Đập Hoành Tam A	Giao Tiến	Sửa chữa		50,00	
12	Đập giữa CN10	Giao Yên	Sửa chữa		25,00	
13	Cánh cổng Thanh Niên	Bạch Long	Sửa chữa		380,00	
IV	Sửa chữa máy móc, thiết bị				400,00	

Ghi chú: Danh mục chi tiết sửa chữa máy móc thiết bị ở mục IV trong biểu này, Công ty trình Sở Nông nghiệp & PTNT phê duyệt trước khi thực hiện.

